

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên do bổ sung biên chế, hợp đồng theo nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH TRƯỜNG THCS TÂN AN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ theo quyết định số 830/QĐ-PGDĐT của Phòng giáo dục và đào tạo thị xã Quảng Yên ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên do bổ sung biên chế, hợp đồng theo nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán- văn phòng trường THCS Tân An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết định số 830/QĐ-PGDĐT của Phòng giáo dục và đào tạo thị xã Quảng Yên ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên do bổ sung biên chế, hợp đồng theo nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ; (Có quyết định đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: Niêm yết tại Bảng công khai của nhà trường, trang web. Thời gian công khai: 30 ngày liên tục kể từ ngày 07/12/2024;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ phận tài vụ và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Nguyễn Năm Quý

Đơn vị: Trường THCS Tân An

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 49/QĐ- THCSTA ngày 07/12/2024 của trường THCS Tân An)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	-
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
2	Phí	-
	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
1	Chi sự nghiệp.....	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	64.654.200
I	Nguồn ngân sách trong nước	64.654.200
1	Chi quản lý hành chính	64.654.200
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	64.654.200
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	

KẾ TOÁN


Bùi Thị Hồng Tuyên

Tân An, ngày 08 tháng 12 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH


TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
TÂN AN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
NGUYỄN NĂM QUÝ

Số: 830/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 06 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên do bổ sung biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024; Quyết định số 7538/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc cấp bổ sung kinh phí chi thường xuyên năm 2024 cho các trường học do bổ sung biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí do bổ sung biên chế, hợp đồng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí chi thường xuyên do bổ sung biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ, số tiền: 1.839.735.308 đồng (Một tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm linh tám đồng), cụ thể như sau:

1. Kinh phí chi thường xuyên, nguồn tự chủ cho các trường học quỹ tiền lương và các khoản đóng góp theo lương đối với 20 biên chế được giao bổ sung theo Quyết định 1105-QĐ/TU ngày 30/8/2024 của Ban Thường vụ Thị ủy: 653.913.000 đồng.

2. Kinh phí chi thường xuyên, nguồn không tự chủ cho các trường học để chi tiền công và các khoản đóng góp theo quy định đối với các hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ đã được tuyển dụng trong chỉ tiêu hợp đồng được giao theo Quyết định 1105-QĐ/TU ngày 30/8/2024 của Ban Thường vụ Thị ủy: 1.185.822.308 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01, 02 đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giao các trường học tổ chức sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thúy



Phụ lục số 01

PHÂN BỐ KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN DO BỔ SUNG BIÊN CHẾ

(Kèm theo Quyết định số 830/QĐ-PGDĐT ngày 06/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG					653.913.000
I	Khối mầm non					233.660.700
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	13	66.760.200
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	13	33.380.100
3	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	13	33.380.100
4	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	13	66.760.200
5	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	13	33.380.100
II	Khối Trung học cơ sở					420.252.300
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	13	32.327.100
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	13	32.327.100
3	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	13	96.981.300
4	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	13	32.327.100
5	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	13	64.654.200
6	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	13	96.981.300
7	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	13	64.654.200

Phụ lục số 02

**PHÂN BỐ KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN DO BỔ SUNG
HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số 830/QĐ-PGDĐT ngày 06/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG					1.185.822.308
I	Khối mầm non					230.110.000
1	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	12	84.302.500
2	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	12	34.212.500
3	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	12	74.717.500
4	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	12	20.377.500
5	Trường Mầm non Tiên Phong	1105748	622	071	12	16.500.000
II	Khối tiểu học					452.502.500
1	Trường Tiểu học Liên Vị	1026583	622	072	12	89.925.000
2	Trường Tiểu học Hà An	1026585	622	072	12	61.132.500
3	Trường Tiểu học Sông Khoai 1	1027579	622	072	12	27.170.000
4	Trường Tiểu học Liên Hòa	1026582	622	072	12	69.547.500
5	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	1025852	622	072	12	62.755.000
6	Trường Tiểu học Nam Hòa	1026586	622	072	12	20.377.500
7	Trường Tiểu học Tân An	1025845	622	072	12	22.000.000
8	Trường Tiểu học Đông Mai	1026581	622	072	12	25.877.500
9	Trường Tiểu học Phong Hải	1025851	622	072	12	46.547.500
10	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuận	1026579	622	072	12	27.170.000
III	Khối Trung học cơ sở					243.472.308
1	Trường THCS Tiên An	1025843	622	073	12	46.489.808
2	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	12	20.377.500
3	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	12	176.605.000
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					259.737.500
1	Trường TH&THCS Tiên Phong					
	Tiểu học	1027578	622	072	12	54.340.000
	Trung học cơ sở	1027578	622	073	12	20.377.500
2	Trường TH&THCS Cẩm La					
	Tiểu học	1130336	622	072	12	22.000.000
	Trung học cơ sở	1130336	622	073	12	27.170.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
3	Trường TH&THCS Sông Khoai					
	<i>Trung học cơ sở</i>	1130337	622	073	12	61.132.500
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân					
	<i>Trung học cơ sở</i>	1131212	622	073	12	47.547.500
5	Trường TH&THCS Phong Cốc					
	<i>Tiểu học</i>	1133723	622	072	12	27.170.000